

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2011/QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 25 tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Trị
giai đoạn 2011- 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Ban hành Quy chế xem xét quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011- 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 22 về Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011- 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011- 2015.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2008 của UBND tỉnh và có hiệu lực kể từ ngày 10/12/2010.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Đức Cường**

**NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2011- 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 01 năm 2011 của UBND tỉnh)*

**I. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN TRONG CÂN ĐỐI DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước theo các tiêu chí và định mức chi đầu tư phát triển được xây dựng cho năm 2011, là cơ sở để xác định tỷ lệ điều tiết và số bổ sung cân đối của ngân sách tỉnh cho các huyện, thị xã, thành phố (Gọi tắt các huyện) được ổn định trong 5 năm của giai đoạn 2011- 2015;

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các địa bàn kinh tế trọng điểm, với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc, hải đảo và các vùng khó khăn để thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh;

- Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước tạo điều kiện để thu hút các nguồn vốn khác, bảo đảm mục tiêu huy động cao nhất các nguồn vốn cho đầu tư phát triển;

- Các công trình, dự án dùng bố trí vốn phải có trong danh mục dự án quy hoạch đã được phê duyệt, có đầy đủ các thủ tục đầu tư theo các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, được cấp giấy phép thẩm quyền phê duyệt trước ngày 31 tháng 10 hàng năm;

- Bố trí vốn tập trung, bảo đảm hiệu quả đầu tư, phải ưu tiên đủ vốn để thanh toán các khoản nợ và khoản ứng trước năm kế hoạch; ưu tiên bố trí cho các dự án trọng điểm, các dự án hoàn thành trong kỳ kế hoạch, vốn đối ứng cho các dự án ODA. Đảm bảo thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành các dự án nhóm B không quá 5 năm, dự án nhóm C không quá 3 năm; không bố trí vốn cho các dự án khi chưa xác định rõ nguồn vốn đầu tư;

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển;

- Đối với huyện đảo Côn Cỏ, ngoài các chương trình đầu tư của Trung ương hàng năm tùy theo tình hình thực tế, tỉnh sẽ ưu tiên phân bổ vốn cho huyện đảo theo tính chất đặc thù.

2. Cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các ngành, đơn vị cấp tỉnh và các huyện

Tổng nguồn đầu tư phát triển trong cân đối do địa phương quản lý được Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh, ổn định trong 5 năm từ 2011- 2015 (Không bao gồm

vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ có mục tiêu, vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia, xổ số kiến thiết, thu bổ sung từ ngân sách tỉnh, đầu tư từ tiền sử dụng đất);

Căn cứ vào mức giao vốn đầu tư phát triển trong cân đối do địa phương quản lý của Thủ tướng Chính phủ hàng năm, sau khi trừ đi các khoản: Trả nợ vốn vay do ngân sách tỉnh đảm bảo hoàn trả, hoàn trả các nguồn vốn ứng trước (Nếu có) được phân bổ theo tỷ lệ như sau:

- Các ngành, đơn vị cấp tỉnh: 60%;
- Các huyện, thị xã, thành phố: 40%.

3. Phân bổ vốn đầu tư phát triển đối với các ngành, đơn vị khối tỉnh

Phân bổ ngân sách tập trung của các ngành, đơn vị khối tỉnh như sau:

3.1. Trả nợ các công trình đã được phê duyệt quyết toán;

3.2. Trả nợ khối lượng xây dựng cơ bản các công trình đã hoàn thành do tỉnh quản lý;

3.3. Đối ứng các dự án ODA về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do tỉnh cam kết;

3.4. Hỗ trợ đầu tư theo chính sách riêng của tỉnh;

3.5. Chuẩn bị đầu tư các công trình do tỉnh quản lý;

3.6. Các công trình do tỉnh quản lý hoàn thành trong năm kế hoạch;

3.7. Các công trình chuyển tiếp do tỉnh quản lý;

3.8. Bố trí cho các công trình, dự án khởi công mới có trong quy hoạch đã được phê duyệt; các công trình đến 31 tháng 10 hàng năm hoàn thành đủ thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành.

4. Phân bổ vốn đầu tư phát triển đối với các huyện (Bao gồm các xã, phường, thị trấn làm chủ đầu tư thuộc nguồn vốn do ngân sách huyện bố trí).

4.1. Vốn đầu tư phát triển phân bổ cho các huyện để đầu tư các lĩnh vực:

- Nông, lâm, ngư nghiệp và hạ tầng cụm công nghiệp;
- Giao thông (Từ đường huyện, đường liên xã trở xuống);
- Cấp nước và xử lý rác thải, nước thải;
- Văn hóa, thể thao; thông tin, truyền thông;
- Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo (Các trường: Trung học cơ sở, tiểu học, mầm non);
- Y tế (Trạm y tế xã) và an sinh xã hội, tài nguyên môi trường;
- Quản lý nhà nước (Trụ sở, kho tàng cơ quan Đảng, chính quyền cấp huyện, cấp xã); quốc phòng và an ninh.

4.2. ưu tiên bố trí vốn:

- Thanh toán nợ vốn vay do ngân sách huyện đảm bảo hoàn trả, hoàn trả các nguồn vốn ứng trước (Nếu có);

- Trả nợ các công trình đã được phê duyệt quyết toán do huyện quản lý;
- Trả nợ khối lượng xây dựng cơ bản các công trình đã hoàn thành do huyện quản lý;
- Đối ứng các dự án ODA, NGO về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do các huyện làm chủ đầu tư;
- Chuẩn bị đầu tư các công trình do huyện quản lý;
- Các công trình do huyện quản lý hoàn thành trong năm kế hoạch;
- Các công trình chuyển tiếp do huyện quản lý;
- Các công trình khởi công mới do huyện quản lý có trong danh mục dự án quy hoạch đã được phê duyệt, có đủ thủ tục đầu tư theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.

5. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư cho các huyện:

Bao gồm 5 nhóm tiêu chí sau đây:

- Tiêu chí dân số: Bao gồm số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số;
- Tiêu chí về trình độ phát triển: Bao gồm tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (Không bao gồm khoản thu sử dụng đất);
- Tiêu chí diện tích: Bao gồm diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên để thực hiện Chương trình hành động số 72-CTHD/TU ngày 31/12/2008 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
- Tiêu chí về đơn vị hành chính: Bao gồm số đơn vị hành chính cấp xã; số xã miền núi, xã bãi ngang; xã vùng cao; xã biên giới.
- Các tiêu chí bổ sung, bao gồm:
 - + Thành phố trực thuộc tỉnh: Thành phố Đông Hà;
 - + Thị xã trực thuộc tỉnh: Thị xã Quảng Trị;
 - + Thị trấn thuộc huyện.

6. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể:

6.1. Tiêu chí dân số: Cách tính cụ thể như sau:

a) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Dân số trung bình	Điểm
Dưới 50.000 người được tính	5
Trên 50.000 người, cứ tăng thêm 10.000 người được thêm	1

Dân số trung bình của các huyện để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê trước năm lập kế hoạch.

b) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số dân	Điểm
---------------	-------------

Cứ 2.000 người được tính	0.5
--------------------------	-----

Số người dân tộc thiểu số của các huyện để tính toán thêm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê trước năm lập kế hoạch.

6.2. Tiêu chí về trình độ phát triển: Cách tính như sau:

a) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Tỷ lệ hộ nghèo dưới 5%	2
Cứ thêm 1% thì được tính thêm	0.2

Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ số liệu báo cáo của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội trước năm lập kế hoạch.

b) Điểm tiêu chí thu nội địa:

Thu nội địa (Không bao gồm khoản thu sử dụng đất)	Điểm
Dưới 5 tỷ đồng	1
Trên 5 tỷ đến 15 tỷ đồng, cứ 5 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	1.2
Trên 15 tỷ đến 50 tỷ đồng, cứ 5 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	1.5
Trên 50 tỷ đến 100 tỷ đồng, cứ 5 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	1.8
Trên 100 tỷ đồng trở lên, cứ 5 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	2

Số thu nội địa (Không bao gồm khoản thu từ sử dụng đất) được xác định căn cứ vào số thực hiện năm trước của năm kế hoạch, do Sở Tài chính cung cấp hàng năm.

6.3. Tiêu chí diện tích: Cách tính như sau:

a) Diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên	Điểm
Dưới 200 km ² được tính	3
Từ 200 km ² trở lên, cứ tăng thêm 100 km ² được tính thêm	0.2

Diện tích đất tự nhiên xác định điểm lấy theo số liệu diện tích đất tự nhiên do Cục Thống kê công bố trước năm lập kế hoạch

b) Diện tích đất trồng lúa:

Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên	Điểm
Dưới 5%	2
Từ 5% đến 10%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	0.2

Trên 10% trở lên, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	0.3
---	-----

Diện tích đất trồng lúa xác định điểm lấy theo số liệu diện tích đất trồng lúa do Sở Tài nguyên và Môi trường công bố trước năm lập kế hoạch.

6.4. Tiêu chí đơn vị hành chính:

- Điểm của đơn vị hành chính cấp xã:

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Cứ 1 xã, phường, thị trấn được tính	1
Cứ 1 xã miền núi, bãi ngang, vùng cao được tính thêm	0.1
Cứ 1 xã biên giới đất liền được tính thêm	0.2

Số liệu đơn vị hành chính, xã biên giới căn cứ vào số liệu của Sở Nội vụ; số liệu xã miền núi, vùng cao căn cứ vào số liệu của Ban Dân tộc công bố trước năm lập kế hoạch

6.5. Các tiêu chí bổ sung:

Đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố, thị xã	Điểm
Thành phố trực thuộc tỉnh	20
Thị xã trực thuộc tỉnh	10
Thị trấn thuộc huyện	2

Các huyện, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh xác định điểm căn cứ vào các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đến trước năm lập kế hoạch.

7. Xác định mức vốn đầu tư trong cân đối của các huyện:

7.1. Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thành phố, thị xã và tổng số điểm 09 huyện, thành phố, thị xã (Trừ huyện đảo Côn Cỏ) để làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

a) Điểm của tiêu chí dân số:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số của huyện thứ i là A_i ;

+ Gọi số điểm của dân số huyện thứ i là h_i ;

+ Gọi số điểm của số dân tộc thiểu số huyện thứ i là k_i ;

Điểm của tiêu chí dân số huyện thứ i sẽ là:

$$A_i = h_i + k_i$$

b) Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ i là B_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ nghèo huyện thứ i là l_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (Không bao gồm số thu về đất) huyện thứ i là m_i ;

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện thứ i sẽ là:

$$B_i = l_i + m_i$$

c. Điểm của tiêu chí diện tích:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của huyện thứ i là C_i ;

+ Gọi số điểm diện tích tự nhiên là o_i ;

+ Gọi số điểm của tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích là p_i ;

Điểm của tiêu chí diện tích là:

$$C_i = o_i + p_i$$

d) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã là D_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã chung huyện thứ i là q_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã miền núi, bãi ngang, vùng cao huyện thứ i là r_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã biên giới đất liền huyện thứ i là s_i ;

Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i sẽ là D_i :

$$D_i = q_i + r_i + s_i$$

e) Điểm của tiêu chí bổ sung:

+ Gọi số điểm của tiêu chí thành phố thuộc tỉnh thứ i là E_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí thị xã trực thuộc tỉnh là F_i ;

+ Gọi số điểm của tiêu chí trị trấn thuộc huyện là G_i ;

Gọi tổng số điểm tiêu chí bổ sung của huyện thứ i gọi là X_i ; là:

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + (E_i, F_i, G_i)$$

Tổng số điểm của 09 huyện, thị xã, thành phố là Y , ta có:

$$Y = \sum_{j=i}^9 X_j$$

7.2. Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:

- Gọi K là tổng số vốn đầu tư hàng năm ngân sách tỉnh phân cho các huyện (Không bao gồm nguồn thu chuyên quyền sử dụng đất).

- Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

7.3. Tổng số vốn trong cân đối (Không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu chuyển quyền sử dụng đất) phân cấp cho huyện được tính theo công thức:

- Gọi V_i là số vốn phân cấp cho huyện i (Không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu chuyển quyền sử dụng đất):

$$V_i = Z \times X_i$$

8. Điều chỉnh bất hợp lý :

Sau khi phân bổ theo các tiêu chí và định mức trên, đối với các huyện có số vốn đầu tư trong cân đối (Không bao gồm nguồn thu sử dụng đất) thấp hơn kế hoạch trước (Nguồn vốn phân cấp) sẽ được điều chỉnh để đảm bảo năm sau cao hơn năm trước. Nguồn điều tiết được lấy từ nguồn vốn đầu tư phát triển và nguồn vượt thu thực hiện năm trước.

II. QUY ĐỊNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH CHO CÁC HUYỆN

Quy định hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho các huyện đến nay Trung ương chưa có hướng dẫn cụ thể. Để tạo điều kiện cho các huyện, thị xã, thành phố phát triển kinh tế- xã hội, căn cứ vào thực tế cân đối ngân sách hàng năm của tỉnh, của các huyện; tỉnh sẽ hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn vốn đầu tư thuộc ngân sách tỉnh đối với một số công trình, dự án cần thiết, cấp bách để phát triển kinh tế- xã hội của các huyện, thị xã, thành phố.

III. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ THEO MỤC TIÊU VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Thực hiện phân bổ theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ bổ sung có mục tiêu tại Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức chi đầu tư phát triển giai đoạn 2011- 2015 và các Quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí và định mức phủ bổ vốn các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011- 2015./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Cường